TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Hà***.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà ***Nguyễn Ngọc Diễm***.

2/ Ông ***Nguyễn Việt Thành***.

Thư ký phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Hồng Châu*** – Thư ký Tòa án nhân dân quận BT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT: Bà ***Nguyễn Thị Diệu Ni*** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận BT, thành phố CT xét xử công kH vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà ***Phạm Thị Ch***, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Phường CK, quận NK, thành phố CT.

* Bị đơn: Ông ***Lê Quang C***, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Phường AT, quận BT, thành phố CT.

Bà Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2019 và tại bản tự khai ngày 04/3/2020 nguyên đơn là bà Phạm Thị Ch cho rằng:***

Bà và ông Lê Quang C kết hôn năm 1970, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Bình, thành phố CT, tỉnh CT (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số181/HT.94, Quyển 1 ngày 25/3/1994.

Sau khi kết hôn bà Ch và ông C chung sốnghạnh phúc hơn 37 năm để cùng chăm lo cho các con. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tính cách không hòa hợp nên không thể tiếp tục chung sống. Hiện nay bà và ông C đã sống ly thân với nhau hơn 12 năm. Nhận thấy,

cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tụcmục đích hôn nhân không đạt được nênbà Ch có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Quang C.

Về con chung: Bà và ông C có năm con chung tên Lê Thị Bé H (nữ), sinh ngày 10/6/1972; Lê Thị Tr (nữ), sinh ngày 01/9/1973; Lê Quang C1 (nam), sinh ngày 06/01/1975; Lê Quang Ch (nam), sinh ngày 14/7/1978 và Lê Thị Kiều O (nữ), sinh ngày 23/3/1980. Các con của bà và ông C đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chungnợ chung Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Quang C nhiều lần để hòa giải và giải quyết theo thủ tục chung nhưng phía bị đơn ông Lê Quang C vắng mặt. Tòa án đã tống đạt và niêm yết các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt do bà đang bận công việc gia đình, bà vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự kH. Phía ông Lê Quang C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà. Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ch và ông Lê Quang C có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, trong quá trình chung sống bà Ch và ông C phát sinh mâu thuẫn do ông bà không có tiếng nói chung, hiện nay bà Ch và ông C đã sống ly thân nhiều năm mỗi người đều có cuộc sống riêng và tự chăm lo cho cuộc sống của mình nên bà Ch có đơn yêu cầu xin ly hôn. Phía ông C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải, công kH chứng cứ và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông C đều vắng mặt, cho thấy ông C cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Ch nữa, do đó yêu cầu ly hôn của bà Ch là có cơ sở xem xét. Về con chung bà Ch khai bà và ông C có năm con chung là Lê Thị Bé H, Lê Thị Tr, Lê Quang C1, Lê Quang Ch và Lê Thị Kiều O. Các con chung của bà Ch và ông C đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Ch đề ngày 23/10/2019 yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Quang C nên đây là vụ án ly hôn giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Do ông Lê Quang C có địa chỉ thường trú tại phường AT, quận BT, thành phố CT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Quang C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ch và ông Lê Quang C tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân năm 1970 và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 25/3/1994 tại Ủy ban nhândân phường Thới Bình, thành phố CT, tỉnh CT (cũ) nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Ch khai thì bà và ông C chung sống hạnh phúc được hơn 37 năm thì phát sinh mẫu thuẫn, vợ chồng ông bà đã sống ly thân hơn 12 năm. Nay bà Ch cho rằng không còn tình cảm với ông C, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên bà có đơn xin ly hôn. Phía ông C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy ông C cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Ch. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình:

1. " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình.*

2. V*ợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau…".*

Hiện nay, bà Ch và ông C không còn chung sống vợ chồng, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Ch.

[3] Về con chung: Bà Ch và ông C có năm chung tên Lê Thị Bé H, Lê Thị Tr, Lê Quang C1, Lê Quang Ch và Lê Thị Kiều O. Các con chung của bà Ch và ông C đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch khai nhận là không có nhưng do ông C vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 19,51,56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ch được ly hôn với ông Lê Quang C.

- *Về con chung:* Đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung* Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Ch phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004307 ngày 10/02/2020 thành án phí hônhân sơ thẩmĐương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà

*Nơi nhận:
- TAND TP. CT;
- VKSND Q. BT;
- THA Q. BT;
- UBND P. Thới Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.
.